CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14 /2026/QĐ-CTUBND	*Tuyên Quang, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

b) Những nội dung không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép; cơ quan giải quyết thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với các hoạt động quy định tại điểm a, b, c, d, h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

1. Bản chính Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Bản sao chứng thực văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trừ trường hợp là đất ở theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.

3. Bản sao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định khác của pháp luật *(nếu có)*.

4. Hồ sơ dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật kèm theo các bản vẽ thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định (*Hồ sơ gồm bản chính: Thuyết minh, bản vẽ thiết kế, phụ lục tính toán, bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt cắt đại diện trong đó có thể hiện những nội dung liên quan đến quy hoạch đê điều, quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác đã được phê duyệt có liên quan; bản sao báo cáo hiện trạng đê điều và các văn bản pháp lý liên quan).*

5. Bản sao văn bản/báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đề nghị cấp giấy phép đến việc vận hành và an toàn của công trình đê điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng (*Nếu hoạt động có ảnh hưởng đến một trong các nội dung: Có thể làm giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước lũ thiết kế trên sông; ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu; ảnh hưởng đến ổn định công trình đê điều thì phải có các tài liệu sau: Tài liệu khảo sát, tài liệu thuỷ văn, tính toán mức độ ảnh hưởng; báo cáo kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về mức độ ảnh hưởng).*

Điều 3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

1. Bản chính Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Bản sao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định về hoạt động đường thuỷ nội địa *(nếu có)*.

3. Bản sao sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp giấy phép; thuyết minh phương án của hoạt động đề nghị cấp giấy phép.

4. Bản sao sổ đăng kiểm tàu, thuyền; giấy tờ chứng minh trọng lượng bản thân của tàu, thuyền, bè, mảng.

Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động quy định tại điểm e, g khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

1. Bản chính Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Bản sao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án; các văn bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và tuân thủ các quy định của pháp luật khác có liên quan (nếu có).

3. Bản sao văn bản/báo cáo đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến chế độ dòng chảy và thoát lũ trên sông, công trình đê điều; các biện pháp khắc phục ảnh hưởng.

4. Bản sao quyết định cho thuê đất để vật liệu của cấp có thẩm quyền đối với hoạt động quy định tại điểm g khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

5. Bản sao giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15.

Điều 5. Trình tự và cách thức thực hiện

1. Trình tự và cách thức thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cách thức quy định tại Điều 15 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP, Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP.

b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, xác minh tính hợp pháp, phù hợp của nội dung hồ sơ đề nghị cấp phép.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung thì thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện; tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thực hiện hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không phù hợp, không đúng với nội dung nêu trong đơn đề nghị cấp giấy phép, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, trình cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc lấy ý kiến chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với cấp giấy phép cho các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều *(hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-BNNMT)*. Trường hợp xin ý kiến về chuyên môn của các Sở ban ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép.

Trường hợp cần thiết, mời các đơn vị liên quan đi kiểm tra thực địa hoặc được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép lựa chọn đơn vị/tổ chức có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thành việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép theo quy định.

c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ trình cấp phép của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc cấp giấy phép theo mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp phép, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản trả lời, có nêu rõ lý do.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 2 Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức CT-XH;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành PL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu văn bản QPPL tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội Nghị (đăng Công báo);
- Lưu: VT, KTN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Hoàng Gia Long

Phụ lục

MẪU VĂN BẢN TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐÊ ĐIỀU THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số ..14/2026/QĐ-CTUBND ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tên mẫu	Ký hiệu	Ghi chú
1	**ĐƠN ĐỀ NGHỊ** Cấp giấy phép đối với hoạt động ……*(ghi tên hoạt động đề nghị cấp phép)*	Số:…….	Mẫu số 01
2	**CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐÊ ĐIỀU**…… *(ghi tên hoạt động)*	Số: … /GP-CTUBND	Mẫu số 02

Mẫu số 01

Tên tổ chức, cá nhân	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…...	----------
	……., ngày …. tháng …. năm….

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép đối với hoạt động …….*(ghi tên hoạt động đề nghị cấp phép)*

Kính gửi:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép *(hoặc người đại diện hợp pháp theo pháp luật, mã số doanh nghiệp/mã số thuế của tổ chức (nếu có))* .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại:.....

Thẻ CCCD/CC ……Do……cấp ngày……tháng … năm….

Quyết định thành lập của tổ chức số…. ngày …. tháng…. năm… *(hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân số…. ngày …. tháng…. năm…(nếu có))*

Đề nghị được cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều *(tên công trình đê điều)* do *(tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý)* quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:.....
- Địa điểm của các hoạt động.....
- Quy mô của các hoạt động.....
- Nội dung.....
- Vị trí, phạm vi của các hoạt động:.....
- Thời hạn của giấy phép: ..... năm kể từ ngày được cấp giấy phép *(từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày….tháng….năm….)*

Các tài liệu kèm theo:

1. ……..…..…..
2. ……..……..…
3. ……..…..……

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét và cấp giấy phép cho *(tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép)* thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi/Tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của Quyết định cấp phép./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép

(Ký tên và đóng dấu hoặc ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /GP-CTUBND	*Tuyên Quang, ngày tháng năm*

GIẤY PHÉP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐÊ ĐIỀU
…… (ghi tên hoạt động)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương …….. ;

Căn cứ Luật Đê điều ……..;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan……

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày… tháng… năm ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(cơ quan, tổ chức/cá nhân)* được tiến hành các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc hệ thống đê điều..... với các nội dung như sau:

1. Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép:

2. Địa chỉ:…….

3. Tên hoạt động được cấp phép:……..……

4. Vị trí, phạm vi hoạt động được cấp phép:…….

5. Thời hạn của giấy phép: .....năm kể từ ngày được cấp giấy phép *(từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày….tháng….năm….).*

6. Các yêu cầu đối với hoạt động cấp phép liên quan đến đê điều.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về Đê điều……

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Tổ chức, cá nhân được cấp phép chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều……; - ……; - Lưu VT, …,…	**CHỦ TỊCH**